

Số: /BC-ĐGS

Bình Dương, ngày tháng năm 2023

## BÁO CÁO

### **Kết quả giám sát về hiệu quả và chất lượng hoạt động của các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn 2018 - 2021**

Thực hiện Quyết định số 01/QĐ-HĐND ngày 30/3/2023 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về thành lập Đoàn giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về hiệu quả và chất lượng của các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn 2018 - 2021, Đoàn giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đã tiến hành giám sát đối với Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

Trên cơ sở báo cáo của các đơn vị chịu sự giám sát và ý kiến của các thành viên, Đoàn giám sát báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả giám sát, cụ thể như sau:

#### **I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC**

##### **1. Công tác triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo**

Trong giai đoạn 2018 - 2021, trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của Trung ương, tỉnh đã ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục góp phần nâng cao chất lượng giáo dục các cấp học, tạo sự chuyển biến rõ rệt và đạt hiệu quả trong toàn tỉnh<sup>1</sup>.

Công tác đổi mới quản lý, quản trị nhà trường được thực hiện theo hướng tinh gọn, hiện đại, minh bạch. Xây dựng, ban hành các kế hoạch, nhiệm vụ, đề án, chương trình phù hợp với chủ trương, định hướng phát triển giáo dục và đào tạo theo từng năm và cho cả giai đoạn, bảo đảm tính hiệu quả, khả thi cơ bản hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra. Hệ thống giáo dục các cấp học trên địa bàn tỉnh được đầu tư phát triển hợp lý, cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập, đào tạo nguồn nhân lực.

Việc quy hoạch, đầu tư, phát triển mạng lưới trường lớp và bố trí quỹ đất dành cho giáo dục được quan tâm thực hiện gắn với quy hoạch phát triển kinh tế

---

<sup>1</sup> Chương trình hành động số 81-CTHĐ/TU ngày 03/4/2014 của Tỉnh ủy Bình Dương về việc thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Kế hoạch số 3641/KH-UBND ngày 22/10/2014 của UBND tỉnh Bình Dương về việc thực hiện Chương trình hành động số 81-CTHĐ/TU; Kế hoạch số 111-KH/TU, ngày 28/10/2019 của Tỉnh ủy Bình Dương về việc thực hiện Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI; Kế hoạch số 2588/KH-UBND ngày 4/6/2019 của UBND tỉnh Bình Dương về Kế hoạch tổng thể triển khai thực hiện đổi mới CTGDPT trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn 2019-2025, Kế hoạch số 2036/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 về biên soạn và tổ chức thực hiện nội dung Giáo dục địa phương tỉnh Bình Dương trong CTGDPT 2018, giai đoạn 2020-2025.

- xã hội chung của tỉnh; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư nhằm bảo đảm hệ thống trường lớp đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân.

Các cấp học được phân bổ hợp lý và phù hợp với tình hình thực tế của từng địa phương. Đến năm học 2021 - 2022, toàn tỉnh đạt 100% xã, phường, thị trấn có trường mầm non và tiểu học; 82% xã, phường, thị trấn có trường trung học cơ sở; 100% huyện, thị xã, thành phố có trường trung học phổ thông; 01 Trung tâm Giáo dục thường xuyên và Bồi dưỡng nghiệp vụ tỉnh và 06 trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên.

## **2. Công tác đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy**

Công tác đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị giảng dạy cho các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh cơ bản được đảm bảo, đáp ứng yêu cầu giảng dạy và thực hiện công tác chuyên môn<sup>2</sup>. Mạng lưới trường lớp được sắp xếp hợp lý, phù hợp thực tiễn. Trước tốc độ phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh và sự gia tăng, biến động dân số ở các huyện, thị và thành phố (nhất là ở các khu cụm, công nghiệp, đô thị), điều kiện cơ sở vật chất của các cơ sở giáo dục công lập được ưu tiên cân đối ngân sách để đầu tư phù hợp với đặc điểm tình hình phát triển của từng địa phương. Từ năm 2018 đến năm 2021, số lượng các cơ sở giáo dục công lập tăng 103 trường và tăng 49.874 học sinh; tỷ lệ lãu hóa đạt 80,35%<sup>3</sup>; có công trình nước sạch để phục vụ cho các hoạt động của nhà trường.

Tùy thuộc vào yêu cầu dạy và học ở mỗi cấp học, các trường được đầu tư trang thiết bị tiện ích theo quy định đáp ứng nhu cầu học tập của giáo viên và học sinh. Đa số các trường có đủ phòng học, phòng chức năng, phòng STEM... phục vụ cho hoạt động giảng dạy và học tập, nhất là đối với các phương pháp theo hướng trải nghiệm, sáng tạo giúp học sinh tiếp cận và phát huy kiến thức được truyền đạt.

## **3. Công tác phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục ở các cấp học**

Chất lượng giáo dục các bậc học đạt được nhiều kết quả khả quan. Số lượng học sinh giỏi, học sinh đạt điểm cao trong các kì thi tốt nghiệp THPT, kì thi học sinh giỏi quốc gia và tỷ lệ học sinh trúng tuyển đại học luôn nằm trong danh sách dẫn đầu các tỉnh, thành trên toàn quốc. Công tác phổ cập giáo dục, xoá mù chữ đạt kết quả ngày càng vững chắc, đáp ứng được nhu cầu học tập trong nhân dân, nhất là đối với người lao động nghèo, hoàn cảnh khó khăn, không có cơ hội học tập.

### *a) Đối với giáo dục mầm non*

Các quy định, chính sách của Trung ương và Tỉnh về phát triển Giáo dục mầm non (GDMN) được triển khai thực hiện đạt hiệu quả, nhất là công tác bảo

<sup>2</sup> Trong năm học 2017 - 2018, toàn ngành có 628 trường học, trung tâm gồm: 381 trường công lập và 247 trường ngoài công lập; tổng số trẻ, học sinh, học viên là 426.746 (công lập: 331.299 học sinh; ngoài công lập: 95.447 học sinh). Đến cuối năm học 2021 - 2022, có 731 trường, trung tâm gồm: 392 trường công và 338 trường ngoài công lập. Tổng số học sinh là 476.620 (công lập: 383.970 học sinh; ngoài công lập: 92.650 học sinh).

<sup>3</sup> Cụ thể như sau: mầm non 65/119 trường, đạt tỷ lệ 54,62%; tiểu học 135/156 trường, đạt tỷ lệ 86,53%; trung học cơ sở 78/80 trường, đạt tỷ lệ 97,5%; trung học phổ thông 30/30 trường, đạt tỷ lệ 100%.

đảm dinh dưỡng và an toàn, phòng tránh tai nạn thương tích cho trẻ. Thực hiện tốt các điều kiện để nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN, đổi mới hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ theo quan điểm giáo dục “*Lấy trẻ làm trung tâm*”. Hoạt động chăm sóc, giáo dục các kỹ năng giúp trẻ có nhiều cơ hội học tập vui chơi với các mô hình giáo dục và phương pháp sư phạm phù hợp nhằm kích thích sự tập trung phát triển tư duy và cảm xúc tích cực của trẻ. Đến năm 2021, tỷ lệ trẻ học bán trú đạt 100%; tỷ lệ trẻ được kiểm tra sức khỏe định kỳ và đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo biểu đồ của Tổ chức Y tế Thế giới đạt 100%.

Chất lượng phổ cập giáo dục hàng năm được củng cố, nâng cao; đến nay, 100% xã, phường, thị trấn và 100% huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn quốc gia Phổ cập GDMN trẻ 05 tuổi; mạng lưới GDMN ngoài công lập phát triển nhanh, đạt tỷ lệ cao (năm học 2021-2022 đạt 73%); tỷ lệ huy động trẻ đến các cơ sở GDMN ngoài công lập chiếm 70,54%, vượt 40,54% so với mục tiêu Đề án phát triển GDMN giai đoạn 2018-2025 của Thủ tướng Chính phủ.

Hoạt động đổi mới công tác quản lý, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và đẩy mạnh phân cấp quản lý, giao quyền tự chủ trong hoạt động của các cơ sở GDMN được thực hiện phù hợp với điều kiện phát triển của từng đơn vị. Thường xuyên tổ chức kiểm tra, thẩm định các điều kiện về cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên nhằm khắc phục tối đa các nguy cơ có thể ảnh hưởng đến việc đảm bảo an toàn cho trẻ, từng bước nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

#### *b) Đối với giáo dục phổ thông*

Từ năm 2018 đến nay, chất lượng dạy - học khối giáo dục phổ thông của tỉnh đều đạt kết quả cao và luôn nằm trong nhóm những tỉnh có thành tích đứng đầu cả nước<sup>4</sup>. Tỷ lệ học sinh đạt giải trong kỳ thi học sinh giỏi THPT cấp quốc gia qua từng năm tăng (năm 2018 đạt 74,44%, năm 2021 đạt 95,88%); học sinh trúng tuyển đại học đạt tỷ lệ cao (năm 2022, đạt 67,42% đứng đầu cả nước). Kết quả này đã góp phần khẳng định chất lượng giảng dạy của tỉnh so với chất lượng đào tạo chung của cả nước<sup>5</sup>.

Từ năm học 2019 - 2020, việc triển khai chương trình, sách giáo khoa theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 mới (CTGDPT 2018) trên địa bàn tỉnh bắt đầu thực hiện với lớp 1, đến năm học 2022 - 2023 được triển khai ở các khối lớp còn lại theo đúng lộ trình. Việc xây dựng, ban hành và thực hiện Chương trình cơ bản đáp ứng mục tiêu đổi mới giáo dục phổ thông, bảo đảm tính trung thực, khách quan, công bằng, đánh giá chính xác kết quả học tập và rèn luyện của học sinh.

<sup>4</sup> Cụ thể: năm 2018, xếp hạng 06/63 tỉnh, thành phố; năm 2019 xếp hạng 4 (điểm bình quân môn tiếng Anh đứng thứ 2); năm 2020 xếp thứ 2. Đặc biệt, tại Kỳ thi tốt nghiệp THPT đợt 1 năm 2021, xếp hạng nhất cả nước; năm 2022, toàn ngành GDĐT đã nỗ lực khắc phục các khó khăn do ảnh hưởng bởi dịch COVID-19, giữ vững chất lượng và hiệu quả giảng dạy, xếp hạng 3 (điểm trung bình của 7/9 môn thi được xếp hạng trong top 10 trên cả nước; tỷ lệ trúng tuyển đại học năm 2022 đứng đầu cả nước, tỷ lệ 67,42%).

<sup>5</sup> Năm 2018, đạt 24 giải; năm 2021, đạt 32 giải, năm 2022 đạt 34 giải. Năm 2021, Bình Dương có 01 học sinh được chọn bồi dưỡng tham gia Kỳ thi chọn đội tuyển Olympic Tin học Châu Á năm 2022.

Việc bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ giáo viên theo lộ trình được tổ chức có thực chất, tiết kiệm và kịp thời. Hoạt động của Hội đồng Chuyên môn - Nghiệp vụ cốt cán các cấp học được phát huy giúp nâng cao công tác hỗ trợ, tư vấn trong quản lý và hoạt động chuyên môn theo hướng phát triển toàn diện năng lực, phẩm chất của học sinh. Đến nay, ngành đã có nhiều mô hình hay, chuyên đề tiêu biểu được nhân rộng học tập.

Công tác phân luồng và định hướng nghề nghiệp cho học sinh phổ thông triển khai có hiệu quả. Việc phát triển trường tạo nguồn, trường chất lượng cao tiếp tục được quan tâm, định hướng phát triển đến năm 2030 và được thiết kế cho quy mô 05 trường THCS tạo nguồn hiện có, 02 trường THCS có lớp tạo nguồn (*dự kiến ở thành phố Tân Uyên và huyện Dầu Tiếng*), Trường THPT chất lượng cao Trịnh Hoài Đức và các lớp chất lượng cao của Trường THPT Dĩ An.

#### *c) Đối với giáo dục thường xuyên*

Chất lượng dạy - học và tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT khối Giáo dục thường xuyên các năm học đều tăng và đạt tỷ lệ cao (*năm 2019 đạt 74,77%, năm 2020 đạt 98,40%, năm 2021 đạt 96,80%*). Kết quả này thể hiện sự cố gắng, nỗ lực của các giáo viên và học sinh, nhất là trong việc tổ chức học phụ đạo, củng cố kiến thức cho học viên có học lực yếu kém, tổ chức ôn tập cho học viên lớp cuối cấp.

Tổ chức thực hiện nhiều hoạt động tuyên truyền về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của giáo dục hướng nghiệp, phân luồng học sinh gắn với phát triển nguồn nhân lực và đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy theo hướng tinh gọn, tăng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn. 100% trường THCS tổ chức các đợt tư vấn hướng nghiệp cho học sinh lớp 9 trước kỳ thi vào lớp 10; học sinh khối 8 được tham gia học nghề tại trường hoặc Trung tâm Giáo dục thường xuyên và Bồi dưỡng nghiệp vụ tỉnh. Định hướng phân luồng học sinh sau THCS đạt trên 70% theo “*Đề án giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong GDPT giai đoạn 2018 - 2025*” của Thủ tướng Chính phủ.

#### **4. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống; giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng và an ninh**

Ngành GDĐT triển khai thực hiện tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước về giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên. Thực hiện nghiêm túc việc đưa nội dung giáo dục quốc phòng - an ninh giảng dạy lồng ghép trong các cơ sở giáo dục nhằm nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm cho thế hệ trẻ đối với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Tổ chức biểu dương những đơn vị trường học, tập thể, cá nhân thực hiện tốt; phát hiện những sáng kiến, kinh nghiệm, những mô hình hay, cách làm hiệu quả để phổ biến, nhân rộng trong ngành. Thực hiện tốt các quy tắc ứng xử, kỷ cương, nề nếp trong trường học, tạo môi trường, điều kiện cho học sinh phấn đấu, tự rèn luyện; các hoạt động giáo dục kỹ năng sống góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh trong các cơ sở giáo dục theo quy định.

Các giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập môn học giáo dục thể chất và hoạt động thể thao cho học sinh các cấp học bảo đảm các yêu cầu về phương pháp, kỹ thuật, thiết bị và học liệu, phương án kiểm tra, đánh giá trong quá trình dạy học. Kết quả, 100% các trường phổ thông có thành lập các câu lạc bộ thể dục thể thao trong nhà trường; 100% các trường TH, THCS, THPT có tổ chức các hoạt động thi đấu thể dục thể thao nhằm duy trì, nâng cao sức khỏe, thể lực phục vụ tốt cho lao động, học tập.

### **5. Công tác chuẩn hóa chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên**

Việc xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo tiêu chí bảo đảm đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, đạt chuẩn về trình độ đào tạo, có phẩm chất đạo đức tốt, có chuyên môn, nghiệp vụ theo chuẩn quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý hầu hết được đào tạo chuyên ngành sư phạm, được bố trí phù hợp với vị trí việc làm và trình độ chuyên môn, năng lực của cá nhân, có tinh thần học tập nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng giảng dạy, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của ngành.

Năm học 2017 - 2018, tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn trở lên đạt 99,89%, tỷ lệ cán bộ quản lý đạt chuẩn trở lên đạt 100%. Năm học 2020 - 2021, thực hiện theo quy định mới của Luật Giáo dục năm 2019, tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn trở lên đạt 80,65%, tỷ lệ cán bộ quản lý đạt chuẩn trở lên đạt 97,63%.

### **6. Công tác khảo thí, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục**

Công tác khảo thí được đổi mới toàn diện tạo động lực thúc đẩy đổi mới phương pháp dạy học. Chú trọng bảo đảm chất lượng và hiệu quả trong việc tổ chức các kỳ thi; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, chỉ đạo và tổ chức thi; tổ chức tập huấn nghiệp vụ trước khi tổ chức các kỳ thi cho đội ngũ viên chức quản lý, giáo viên đảm bảo thực hiện đúng quy chế, trung thực, công bằng, khách quan trong tổ chức thi.

Công tác đánh giá, kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia và đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục của tỉnh có nhiều chuyển biến tích cực. Năm 2021, tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia tăng 15,53%, tỷ lệ trường đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục tăng 27,65% so với 2018.

### **7. Công tác xã hội hóa, khuyến học, khuyến tài**

Trong giai đoạn 2018 - 2021, công tác xã hội hóa giáo dục đã thu hút sự tham gia của nhiều nguồn lực xã hội góp phần giảm bớt áp lực về trường, lớp, giáo viên, nhất là đối với bậc giáo dục mầm non (tỷ lệ XHH trên 73%). Đến nay, toàn tỉnh đã có 251 trường tư thục được đầu tư theo chính sách xã hội hóa, trong đó cấp học mầm non được đầu tư 243 trường với tổng vốn đầu tư khoảng 2.338 tỷ đồng, các cấp học phổ thông được đầu tư xây mới, nâng cấp, mở rộng 13 trường với tổng vốn đầu tư khoảng 805,5 tỷ đồng.

Công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập được triển khai thực hiện và phối hợp hài hòa giữa các cơ sở giáo dục, các cơ quan, ban ngành và tổ chức đoàn thể và địa phương với Hội Khuyến học từ tỉnh đến cơ sở. Đồng

thời, tăng cường sự liên kết với các tổ chức, cá nhân và các nguồn lực xã hội cùng tham gia và đẩy mạnh phong trào học tập và các hoạt động giáo dục cộng đồng, hỗ trợ học bổng cho học sinh, học viên nghèo có thêm cơ hội học tập.

### **8. Một số công tác khác**

Công tác phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức đoàn thể, chính trị xã hội và địa phương trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn được ngành quan tâm thực hiện. Hoạt động thông tin, tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật được chú trọng và tổ chức thường xuyên. Qua đó, tạo sự chuyển biến và nâng cao ý thức, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các mục tiêu giáo dục và đào tạo của tỉnh.

Việc thực hiện Đề án tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số ngành giáo dục và đào tạo bước đầu thực hiện thông qua các phần mềm trực tuyến. Thực hiện số hóa 100% văn bản khi trao đổi trên phần mềm quản lý văn bản; triển khai hồ sơ, sổ điểm và học bạ điện tử theo đúng lộ trình. 100% cơ sở giáo dục có triển khai giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt, thực hiện chữ ký số cho viên chức quản lý cơ sở công lập và giáo viên các lớp 1, 6, 10; xây dựng Hệ thống thông tin quản lý toàn ngành, tiến tới hoàn thiện cơ sở dữ liệu và kết nối thông suốt với tất cả các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh, đảm bảo cung cấp thông tin quản lý đầy đủ, tin cậy và kịp thời.

*Nhìn chung*, từ năm 2018 đến nay, ngành GDĐT luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo của Bộ GDĐT, các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, sự phối hợp hiệu quả của các sở, ban, ngành và sự đồng thuận của các tầng lớp nhân dân đối với sự nghiệp giáo dục. Việc triển khai thực hiện các chương trình giảng dạy, nhất là thực hiện Chương trình GDPT 2018 cơ bản đúng lộ trình, tiến độ và đạt kết quả. Đội ngũ công chức, viên chức, nhân viên của ngành đoàn kết, tâm huyết, trách nhiệm; có tinh thần học tập nâng cao trình độ, chủ động và sáng tạo trong công tác; áp dụng hiệu quả các phương pháp dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. Do đó, hiệu quả và chất lượng giáo dục giảng dạy trên toàn tỉnh ngày càng được nâng lên ở tất cả các cấp học, bậc học và đạt được nhiều thành tích nổi bật góp phần quan trọng trong thực hiện chủ trương đổi mới giáo dục theo chỉ đạo của Quốc hội, Chính phủ, Bộ GDĐT và địa phương.

### **III. MỘT SỐ KHÓ KHĂN, TỒN TẠI, HẠN CHẾ**

Bên cạnh những kết quả đạt được, Đoàn giám sát nhận thấy, hoạt động của các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh còn một số khó khăn, tồn tại, hạn chế như sau:

1. Việc tăng dân số cơ học nhanh với hơn 53,5% dân số là người dân từ các địa phương khác đến sinh sống, làm việc dẫn đến gia tăng áp lực về đáp ứng nhu cầu học tập cho con em người lao động. Cơ sở vật chất trường học, thiết bị dạy học ở một số địa phương dù được xây mới và bổ sung hàng năm nhưng vẫn chưa đáp ứng kịp với sự gia tăng số lượng học sinh; nhiều đơn vị, trường học có số học sinh/lớp vượt cao so với quy định... đã ảnh hưởng

không nhỏ đến hoạt động dạy và học của giáo viên, học sinh<sup>6</sup>. Một số cơ sở giáo dục công lập chưa khai thác và sử dụng hết công năng và hiệu quả của các thiết bị được trang cấp.

2. Tình trạng thiếu giáo viên so với định mức (*toàn tỉnh hiện thiếu 2.530 giáo viên các cấp*)<sup>7</sup>; nhiều giáo viên bỏ việc, chuyển việc. Trong khi đó, việc tuyển dụng giáo viên gặp nhiều khó khăn do thiếu nguồn tuyển dụng, hoặc có nguồn đã được đào tạo, nhưng không dự tuyển vì chọn các nghề khác; một số chính sách hỗ trợ chưa thực sự thu hút. Đây là trở ngại, thách thức lớn trong việc nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDPT 2018 cũng như bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ chung của toàn ngành.

3. Công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, kiểm định chất lượng giáo dục đối với các trường ngoài công lập còn gặp khó khăn.

4. Một số địa phương (nhất là khu vực đô thị, địa bàn phát triển công nghiệp) còn thiếu quỹ đất dành cho quy hoạch giáo dục và đào tạo; nguồn đất sạch dùng để xây dựng trường học theo yêu cầu phát triển giáo dục còn hạn chế.

5. Việc thực hiện đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông ở một số cơ sở giáo dục còn gặp khó khăn, chưa có sự thống nhất và khác nhau trong tổ chức thực hiện.

#### **IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

Từ một số tồn tại, hạn chế nêu trên, nhằm để tiếp tục thực hiện hiệu quả và nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới, Đoàn giám sát kiến nghị UBND tỉnh tiếp tục quan tâm chỉ đạo thực hiện một số nội dung, cụ thể như sau:

1. Tiếp tục thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về phát triển GD&ĐT, nhất là công tác đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục.

2. Rà soát, đánh giá hiệu quả của các chính sách hỗ trợ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên ngành giáo dục và đào tạo để sớm có giải pháp thiết thực trong việc tuyển dụng, thu hút và đãi ngộ cho đội ngũ giáo viên an tâm cống hiến, góp phần xây dựng nguồn nhân lực ổn định, gắn bó với ngành trong thời gian tới.

3. Thực hiện công tác giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông theo hướng mở; đổi mới, đa dạng hóa nội dung, hình thức gắn với thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu của thị trường lao động... tạo điều kiện thuận lợi cho người dân được học tập liên tục, suốt đời.

<sup>6</sup>Theo báo cáo số 189/BC-UBND ngày 12/7/2022 của UBND tỉnh: Đối với lớp 1,2 (năm học 2021-2022): 134/156 trường TH công lập tổ chức dạy 02 buổi/ngày; 21 trường TH công lập không tổ chức dạy 02 buổi/ngày, phải tổ chức dạy ngày thứ Bảy; thành phố Dĩ An, Thuận An, Tân Uyên và thị xã Bến Cát.

<sup>7</sup>Toàn ngành hiện còn thiếu 2.530 giáo viên các cấp (trong đó: 289 giáo viên mầm non; 873 giáo viên tiểu học; 1.237 giáo viên THCS và 131 giáo viên THPT). Đến năm học 2021 – 2022, ngành tuyển không đủ chỉ tiêu (504 viên chức/1.002 chỉ tiêu, đạt 50,29%); thực hiện hợp đồng với 742 giáo viên/958 giáo viên, nhân viên.

4. Tăng cường tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên; đẩy mạnh chuyên đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, các phương pháp giảng dạy tiên tiến và tổ chức quản trị trường học theo hướng hiện đại, thông minh.

5. Kịp thời có giải pháp bố trí đủ giáo viên thực hiện Chương trình GDPT 2018 theo lộ trình, nhất là ở các khối lớp đầu cấp học; đồng thời, tiếp tục nâng cao chất lượng biên soạn, thẩm định sách giáo khoa lớp 5, 9, 12 và các nội dung giáo dục địa phương theo quy định.

6. Tăng cường giáo dục kỹ năng sống, kỹ năng và định hướng nghề nghiệp, việc làm và công tác xã hội, tư vấn tâm lý học đường cho học sinh. Phát huy hiệu quả mô hình “*Trường học An toàn - Thân thiện - Bình đẳng*”, phong trào “*Trường học thân thiện, học sinh tích cực*”.

7. Đẩy mạnh thu hút các nguồn lực đầu tư cho sự nghiệp giáo dục; đa dạng các hình thức xã hội hóa giúp giảm bớt áp lực cho ngân sách. Ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học bảo đảm thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

8. Đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học theo hướng phát huy tính chủ động, linh hoạt của nhà trường và năng lực tự chủ, sáng tạo của tổ chuyên môn, giáo viên trong việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông.

9. Quan tâm sắp xếp phương án ưu tiên, bố trí quỹ đất để đầu tư xây dựng trường, lớp ở một số địa phương đông dân cư đáp ứng với sự gia tăng số lượng học sinh với tầm nhìn chiến lược lâu dài.

Trên đây là báo cáo kết quả giám sát về hiệu quả và chất lượng của các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn 2018 - 2021 của Đoàn giám sát của Thường trực HĐND tỉnh./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Thành phần tham gia Đoàn giám sát;
- Các đơn vị chịu sự giám sát;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Phòng CTHĐND;
- Lưu: VT, L (4).

**TM. ĐOÀN GIÁM SÁT  
TRƯỞNG ĐOÀN**

**PHÓ CHỦ TỊCH HĐND TỈNH  
Nguyễn Trường Nhật Phụng**

**Phụ lục**  
**KẾT QUẢ GIÁM SÁT VỀ HIỆU QUẢ VÀ CHẤT LƯỢNG**  
**HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC TRÊN ĐỊA BÀN**  
**TỈNH BÌNH DƯƠNG GIAI ĐOẠN 2018 - 2021**  
*(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-ĐGS ngày tháng năm 2023*  
*của Đoàn giám sát của Thường trực HĐND tỉnh)*

**1. Số lượng thiết bị dạy học giáo dục phổ thông được trang cấp**

Năm học	Tổng số	Tiểu học			Trung học cơ sở			Trung học phổ thông		
		Số bộ hiện có	Số bộ cần bổ sung	Tỷ lệ đáp ứng (%)	Số bộ hiện có	Số bộ cần bổ sung	Tỷ lệ đáp ứng (%)	Số bộ hiện có	Số bộ cần bổ sung	Tỷ lệ đáp ứng (%)
2018-2019	75.688	66.352	7.718	89.6%	3.886	499	88.6%	5.450	290	0.95
2019-2020	83.182	73.676	7.907	90.3%	3.937	548	87.8%	5.569	275	0.95
2020-2021	108.717	83.728	5.903	93.4%	4.071	510	88.9%	20.918	4.346	0.83
2021-2022	119.949	94.377	5.070	94.9%	4.179	933	81.7%	21.393	5.290	0.81

**2. Số lượng, trình độ đào tạo đội ngũ công chức, viên chức quản lý**

a) Năm 2018

Cấp học	Tổng số	Nữ	Đạt chuẩn trở lên				Dưới chuẩn	
			Số lượng	%	Trong đó trên chuẩn		Số lượng	%
					Số lượng	%		
MN	351	351	351	100	347	98,86		
TH	422	255	422	100	422	100		
THCS	192	89	192	100	179	93,23		
THPT	91	35	91	100	26	28,57		
TT GDTX tỉnh	03	01	03	100	02	66,67		
TT NN-TH-BDNV tỉnh	04		04	100	01	25		
Cơ quan Phòng GDĐT	25	09	25	100	05	20		
Cơ quan Sở GDĐT	24	09	24	100	10	41,67		
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.112</b>	<b>749</b>	<b>1.112</b>	<b>100</b>	<b>992</b>	<b>89,21</b>		

b) Năm 2021

Cấp học	Tổng số	Nữ	Đạt chuẩn trở lên				Dưới chuẩn	
			Số lượng	%	Trong đó trên chuẩn		Số lượng	%
					Số lượng	%		
MN	317	317	317	100	280	88,32		
TH	389	246	377	96,91	11	2,82	12	3,08
THCS	199	99	186	93,46	11	5,54	13	6,53
THPT	98	39	98	100	38	38,77		
Trung tâm GDTX và BDNV tỉnh	03	02	03	100	02	66,67		
Cơ quan Phòng GDĐT	28	8	28	100	05	17,85		
Cơ quan Sở GDĐT	22	08	22	100	11	50,00		
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.056</b>	<b>719</b>	<b>1.031</b>	<b>97,63</b>	<b>385</b>	<b>36,46</b>	<b>25</b>	<b>2,36</b>

### 3. Kết quả học sinh giỏi cấp tỉnh

Năm học	Cấp	Giải nhất	Giải nhì	Giải ba	Giải khuyến khích	Tổng cộng
2018-2019	THCS	5	21	47	182	<b>255</b>
	THPT	3	6	26	174	<b>209</b>
2019-2020	THCS	13	18	58	182	<b>271</b>
	THPT	05	06	26	136	<b>173</b>
2020-2021	THCS	08	14	31	261	<b>314</b>
	THPT	13	18	64	227	<b>322</b>
2021-2022	THCS	12	14	49	169	<b>244</b>
	THPT	14	22	101	198	<b>335</b>

### 4. Kết quả thi chọn học sinh giỏi THPT quốc gia

Năm học	Giải nhất	Giải nhì	Giải ba	Giải khuyến khích	Tổng cộng
2018-2019	01	4	08	16	29
2019-2020		05	11	18	34
2020-2021		07	09	16	32
2021-2022	01	03	09	21	34

### 5. Kết quả tốt nghiệp THPT và trúng tuyển đại học

Năm học	Tỷ lệ tốt nghiệp THPT	Tỷ lệ tốt nghiệp THPT khối THPT	Tỷ lệ trúng tuyển đại học
2018-2019	95.17%	98.65%	74.44%
2019-2020	99.70%	99.93%	90.26%
2020-2021	99.34%	99.95%	88.89%
2021-2022	99.75%	99.98%	95.88%

### 6. Tỷ lệ trường Chuẩn quốc gia và kiểm định chất lượng giáo dục

Tiêu chí	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Chuẩn Quốc gia	67,84%	71,08%	77,57%	81.5%	83.37%
Kiểm định chất lượng giáo dục	32,4%	36,5%	44,05%	52,01%	60,05%

### 7. Kinh phí đầu tư trường học giai đoạn 2018 - 2021

Năm	Số lượng trường được đầu tư	Kinh phí (tỷ đồng)
2018	17	946,569
2019	23	1.153,894
2020	24	1.517,379
2021	26	1.722, 970
<b>Cộng</b>	<b>90</b>	<b>5.340,812</b>

### 8. Thống kê kinh phí đầu tư phát triển trường lớp từ nguồn xã hội hóa (Chỉ tính kinh phí đầu tư xây dựng, chưa tính giá trị đất)

Năm	Số lượng công trình	Tổng kinh phí đầu tư (tỷ đồng)
2018	26	280
2019	39	460
2020	23	138
2021	06	422,3
<b>Tổng cộng</b>	<b>94</b>	<b>1.300,3</b>